TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29- 11- 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hồng Quân.

2. Ông Nguyễn Minh Triều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên toà số 69/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng K, sinh năm 1982.
Địa chỉ: ấp AB, xã ĐY, huyện LV, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm P (Nguyễn Thị Kim P), sinh năm 1984;

Địa chỉ: khóm BP, TT.LV, huyện LV, tỉnh ĐT.

(Anh K có mặt, chị P vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Trọng K trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng K và chị Nguyễn Thị Cẩm P (Nguyễn Thị Kim P) được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 19/6/2002, sau khi

anh K và chị P tổ chức đám cưới được vài tháng thì nghe những cán bộ của UBND xã ĐY yêu cầu những cặp vợ chồng đã tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì phải đi kê khai đăng ký kết hôn nên anh K đi làm, anh không biết việc làm giấy kết hôn phải có mặt cả hai vợ chồng. Khi một mình anh đến xã đăng ký thì Cán bộ Tư pháp xã cũng đồng ý cho anh đăng ký kết hôn mà không yêu cầu phải có mặt vợ anh mới đăng ký kết hôn được và cũng không yêu cầu anh xuất trình giấy chứng minh nhân dân nên nghĩ việc đăng ký kết hôn như vậy là đúng pháp luật. Anh K khẳng định việc đăng ký kết hôn chỉ một mình anh đi, vợ anh là chị P không có cùng anh đến UBND xã để làm thủ tục đăng ký kết hôn nên trong sổ đăng ký kết hôn số 1764/2002, Quyển số 09/2002 ngày 29/12/2002 của UBND xã ĐY đã ghi sai tên của vợ anh là Nguyễn Thị Cẩm P thành Nguyễn Thị Kim P (việc sai tên là do anh K kê khai sai) và chữ ký tên Nguyễn Thị Kim P là do anh K tự ký thay cho vợ. Uỷ ban nhân dân xã cũng không cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh nên anh không biết việc xã đã ghi sai tên của vợ anh. Vợ chồng anh K và chị P sống chung hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và chị P cùng con đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hiện nay chị P cũng đã có chồng khác nên nay anh K yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm P (Nguyễn Thị Kim P). Anh K khẳng định từ năm 2002 cho đến nay anh K chỉ tổ chức đám cưới với chị Nguyễn Thị Cẩm P và sống chung với chị Nguyễn Thị Cẩm P đến năm 2006 mới xa nhau, chị Nguyễn Thị Kim P theo giấy chứng nhận kết hôn và Nguyễn Thị Cẩm P theo giấy khai sinh con chung là cùng một người.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị AT, sinh ngày 28/5/2003, con hiện nay chị P đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh K đồng ý giao con cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm P (Nguyễn Thị Kim P) đã được tống đạt thông báo thụ lý nhưng chị P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Toà án cũng đã hai lần triệu tập chị P đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị P không đến toà. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 9 năm 2018 chị P trình bày: Chị tên là Nguyễn Thị Cẩm P, sinh năm 1984 không phải là Nguyễn Thị Kim P như đơn đơn khởi kiện của anh Nguyễn Trọng K. Chị thừa nhận vào ngày 19/6/2002 chị Nguyễn Thị Cẩm P và anh Nguyễn Trọng K được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Thị AT, sinh ngày 28/5/2003 (giấy khai sinh tên cha Nguyễn Trọng K và tên mẹ Nguyễn Thị Cẩm P) đến năm 2006 thì chị Cẩm P và anh K phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị Cẩm P và con đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Chị Cẩm P khẳng định từ ngày chị và anh K tổ chức đám cưới đến nay chị chưa lần nào đến UBND xã ĐY để làm thủ

tục đăng ký kết hôn. Việc anh K cung cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 1764/2002, Quyển số 09/2002 ngày 29/12/2002 giữa chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Trọng K là không liên quan đến chị Cẩm P và chị cũng không biết gì về giấy chứng nhận kết hôn này. Do giữa chị Nguyễn Thị Cẩm P và anh Nguyễn Trọng K không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không phải là vợ chồng, việc anh K yêu cầu ly hôn thì chị P không có ý kiến gì mà để cho Toà án quyết định.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm P và anh Nguyễn Trọng K có 01 con chung tên Nguyễn Thị AT, sinh ngày 28/5/2003, con hiện nay đang sống tại nhà mẹ của chị P. Nay toà án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh K thì tuỳ theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì sống, nếu con có nguyện vọng sống với chị P thì chị đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất chị Cẩm P và anh K sống chung không có tài sản chung và không có nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cũng đã triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Nguyễn Trọng K và chị Nguyễn Thị Cẩm P (Nguyễn Thị Kim P) tổ chức đám cưới vào năm 2002 nhưng do anh K và chị P đăng ký kết hôn không đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh K và chị P là vợ chồng. Về con chung giao con chung cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện viện kiểm sát, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Trọng K yêu cầu được ly hôn với chị P và đồng ý giao con chung cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn". Bị đơn là chị P có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò,

tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án đã triệu tập hợp lệ chị P đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P.

[2] Về luật áp dụng: Anh Nguyễn Trọng K và chị Nguyễn Thị Cẩm P (Nguyễn Thị Kim P) tổ chức đám cưới vào năm 2002 và anh K tự đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2002 nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để xét xử.

[3] Tại đơn khởi kiện anh Nguyễn Trọng K yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim P theo giấy chứng nhận kết hôn số 1764/2002, Quyển số 09/2002 ngày 29/12/2002. Tại phiên toà anh K yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm P vì tên Nguyễn Thị Kim P do anh K khai sai. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và anh K, chị P đều khẳng định Nguyễn Thị Cẩm P mới là người tổ chức đám cưới với anh Nguyễn Trọng K chứ không phải là Nguyễn Thị Kim P. Anh K và chị Cẩm P đều thống nhất vào ngày 19/6/2002, anh chị được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và sống chung hạnh phục đến năm 2006 mới phát sinh mâu thuẩn và xa nhau cho đến nay. Việc sổ đăng ký kết hôn ghi tên chồng là Nguyễn Trọng K, tên vợ là Nguyễn Thị Kim P là do anh K tự đi khai nên đã khai nhầm tên Cẩm P thành Kim P. Đồng thời, căn cứ vào giấy khai sinh con chung tên Nguyễn Thị AT, sinh ngày 28/5/2003 thể hiện họ, chữ đệm tên người mẹ là Nguyễn Thị Cẩm P và họ, chữ đệm, tên người cha là Nguyễn Trọng K. Như vậy, có căn cứ để xác định chị Nguyễn Thị Cẩm P và chị Nguyễn Thị Kim P là cùng một người.

[4] Về hôn nhân: Tại thời điểm anh Nguyễn Trọng K và chị Nguyễn Thị Cẩm P tổ chức đám cưới, anh K và chị P đủ điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và anh Nguyễn Trọng K tự mình đi đăng ký kết hôn mà không có mặt chị Nguyễn Thị Cẩm P nên đã vi phạm thủ tục đăng ký kết hôn được quy định tại Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về đăng ký kết hôn như sau: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.

Điều 14 quy định về tổ chức đăng ký kết hôn như sau: Khi tổ chức đăng ký kết hôn phải có mặt hai bên nam, nữ kết hôn. Đại diện cơ quan đăng ký kết hôn yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn thì đại diện cơ quan đăng ký kết hôn trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên.

Như vậy, việc kết hôn và đăng ký kết hôn phải được thực hiện dựa trên sự tự nguyện của cả nam và nữ. Sự tự nguyện này thể hiện ở việc khi tổ chức đăng ký kết hôn cả hai bên nam nữ phải có mặt tại Ủy ban nhân dân xã, đại diện Ủy

ban nhân dân xã trực tiếp hỏi ý kiến của mỗi bên xem có đồng ý kết hôn hay không. Nếu sau khi hỏi ý kiến, cả hai đều đồng ý kết hôn thì cán bộ tư pháp hộ tịch mời cả hai bên ký tên vào Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn. Do đó, cả hai bên nam nữ phải cùng ký vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và tự ký phần chữ ký của mình.

Mặc dù tại công văn số 467/UBND-HC ngày 20/9/2018 Uỷ ban nhân dân xã ĐY đã cung cấp thông tin như sau: Uỷ ban nhân dân xã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Trọng K và chị Nguyễn Thị Kim P đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Cả hai người đều ký tên vào sổ đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, anh K và chị P đều khẳng định khi đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã ĐY, chỉ có anh K còn chị P không có mặt nhưng cán bộ tư pháp hộ tịch vẫn tổ chức đăng ký kết hôn và anh K ký thay cả phần chữ ký của vợ dẫn đến anh K đã khai sai tên của vợ là Nguyễn Thị Cẩm P thành Nguyễn Thị Kim P. Như vậy, việc đăng ký kết hôn của anh K và chị P là trái quy định pháp luật và không có căn cứ chứng minh anh K và chị P tự nguyện kết hôn, muốn cùng nhau kết hôn và không có việc cưỡng ép kết hôn.

Tại điểm c mục 2, Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: Trong trường hợp việc đăng ký kết hôn không theo nghi thức quy định tại Điều 14 thì việc kết hôn đó không có giá trị pháp lý, nếu có yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật, thì mặc dù có vi phạm một trong các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9, Toà án không tuyên bố huỷ kết hôn trái pháp luật mà áp dụng khoản 1 Điều 11 tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng.

Từ phân tích trên có đủ cơ sở xác định Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1764/2002, Quyển số 09/2002 ngày 29/12/2002 mà Uỷ ban nhân dân xã ĐY đã cấp cho chị Nguyễn Thị Kim P (Nguyễn Thị Cẩm P) và anh Nguyễn Trọng K không có giá trị pháp lý nên áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 không công nhận anh Nguyễn Trọng K và chị Nguyễn Thị Cẩm P (theo giấy chứng nhận kết hôn tên Nguyễn Thị Kim P) là vợ chồng.

[5] Về con chung: Anh Nguyễn Trọng K và chị Nguyễn Thị Cẩm P đều thống nhất anh chị có một con chung tên Nguyễn Thị AT, sinh ngày 28/5/2003. Con hiện nay chị P đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh K đồng ý giao cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị P trình bày từ khi chị và anh K xa nhau con do chị nuôi dưỡng, sau khi Toà án giải quyết ly hôn nếu con có nguyện vọng sống với chị thì chị P đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2018 cháu Nguyễn Thị AT trình bày: Cháu T là con của anh K và chị P, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Thị AT, sinh ngày 28/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Cẩm P được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị P thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Trọng K phải chịu là 300.000đ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Cẩm P (Kim P) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11, Điều 14, Điều 87, Điều 92, Điều 93; Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào điểm c mục 2, Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Trọng K và chị Nguyễn Thị Cẩm P (Nguyễn Thị Kim P).

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị AT, sinh ngày 28/5/2003 cho chị Nguyễn Thị Cẩm P được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Trọng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Nguyễn Thị Cẩm P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh Nguyễn Trọng K không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị Nguyễn Thị Cẩm P.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Trọng K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh K đã nộp theo biên lai số 0001651 ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Anh Nguyễn Trọng K được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Cẩm P (Nguyễn Thị Kim

P) được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã Định Yên;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội